

Name: .....

Date: .... / .... / 20....

Class: S5

Tel: 034 200 9294



Từ vựng : .....

Đọc: .....

Nghe: .....

Mini Test: .....

## GLOBAL ENGLISH 5

### UNIT 7: ANCIENT ROME AND EGYPT - VOCABULARY 2

- ❖ **Lưu ý 1:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé.
- ❖ **Lưu ý 2:** Con không sử dụng dạng viết tắt của các trợ động từ ở thể phủ định.
- ❖ **Lưu ý 3:** Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
- ❖ **Lưu ý 4:** Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

#### A. VOCABULARY

No.	Words	Meaning	No.	Words	Meaning
1	<b>civilisation</b> (n)	nền văn minh	17	<b>discover</b> (v)	khám phá
2	<b>structure</b> (n)	cấu trúc	18	<b>discovery</b> (n)	sự khám phá, phát hiện ra
3	<b>Colosseum</b> (n)	Đấu trường La Mã	19	<b>pharaoh</b> (n)	vua của Ai Cập cổ đại
4	<b>Pyramid</b> (n)	Kim tự tháp	20	<b>treasure</b> (n)	kho báu
5	<b>Sphinx</b> (n)	Tượng Nhân sư	21	<b>weapon</b> (n)	vũ khí
6	<b>aqueduct</b> (n)	cống dẫn nước	22	<b>jewellery</b> (n)	đồ trang sức
7	<b>guard</b> (n)	người canh gác	23	<b>throne</b> (n)	ngai vàng
8	<b>water supply</b> (n)	nguồn cung cấp nước	24	<b>axe</b> (n)	cây rìu
9	<b>creature</b> (n)	sinh vật	25	<b>dash</b> (v)	lao tới, xông tới
10	<b>bath</b> (v)	tắm	26	<b>leap</b> (v)	nhảy qua
11	<b>medicine</b> (n)	thuốc, dược liệu	27	<b>swift</b> (adj)	nhanh chóng
12	<b>reed</b> (n)	cây sậy	28	<b>spear</b> (n)	cây giáo, cây mác
13	<b>scribe</b> (n)	người ghi chép	29	<b>grateful</b> (adj)	biết ơn
14	<b>peculiar paste</b> (n)	hỗn hợp kỳ lạ	30	<b>digit</b> (n)	chữ số
15	<b>crush</b> (v)	nghiền nát	31	<b>preserve</b> (v)	bảo tồn
16	<b>flatten</b> (v)	dát mỏng, làm phẳng			

#### Vocabulary from KET

No.	Words	Meaning	No.	Words	Meaning
1	<b>get married</b> (v)	kết hôn	4	<b>spare room</b> (n)	phòng trống
2	<b>afterwards</b> (adv)	sau đó	5	<b>pick up</b> (phr.v)	đón
3	<b>live far away</b> (v)	sống ở xa	6	<b>appointment</b> (n)	cuộc hẹn

- ❖ **Note :** v = Verb: Động từ, n = Noun: danh từ, adv = Adverb: Trạng từ, phr.v = Phrasal verb: Cụm động từ.
- ❖ Con học thuộc nghĩa của từ, **chỉnh phát âm theo từ điển và chép vào vở mỗi từ 2 dòng vào vở ghi.**

## B. HOMEWORK

### I. Fill in the blanks with the appropriate words from the box.

crush	guards	water supply	scribes
structure	juggling	creature	grateful

0. A cheerful clown starts **juggling** colorful balls.

- Workers would \_\_\_\_\_ and flatten the reeds to create a writing surface for the \_\_\_\_\_ to record important documents.
- A human cell is a complicated \_\_\_\_\_.
- When I was young, I thought that there was a \_\_\_\_\_ under my bed.
- \_\_\_\_\_ are stationed (*bố trí*) at strategic points to protect the \_\_\_\_\_.
- I am \_\_\_\_\_ for your help and support during this difficult time.

### II. Choose the correct words to complete the sentences below.

0. The government plans to (**create** / **develop** / **invent**) more jobs for young people.

- The scientist (**leapt** / **discovered** / **scribe**) a cure for the disease.
- He made a (**treasure** / **swift** / **civilisation**) change of plans.
- This gold ring was her favorite piece of (**structure** / **digit** / **jewellery**).
- She took (**medicine** / **axe** / **reed**) every day for her cough.
- The king lost his (**bath** / **throne** / **leap**) after the *civil war* (*nội chiến*).
- We must take action to (**guard** / **preserve** / **scribe**) the natural beauty of our national parks.

### III. Choose the correct answers.

0. A cheerful clown starts \_\_\_\_\_ colorful balls.

- A. juggling      B. yawning      C. sneezing      D. repairing

1. The ancient \_\_\_\_\_ of Egypt built impressive structures such as the Pyramids and the Sphinx.

- A. discovery      B. civilization      C. Pharaoh      D. spears

2. The Colosseum in Rome is an iconic (*mang tính biểu tượng*) \_\_\_\_\_ that once hosted *gladiator contests* (*tổ chức các cuộc thi đấu sĩ*) and other events.

- A. structure      B. bath      C. dash      D. treasure

3. The \_\_\_\_\_ system in ancient Rome was important for supplying water to the city and its *inhabitants* (*cư dân*).

- A. medicine      B. guard      C. aqueduct      D. leap

4. \_\_\_\_\_ in ancient civilizations used reeds to write important events.

- A. Colosseum      B. Sphinx      C. Pyramids      D. Scribes

5. The \_\_\_\_\_ was used in ancient medicine to treat various injuries.  
A. swift                      B. peculiar paste              C. grateful                      D. preserve
6. The \_\_\_\_\_ of the lost city *amazed* (*làm kinh ngạc*) the scientific community.  
A. discovery                      B. pharaoh                      C. leap                      D. axe

**IV. Make the sentences with your own ideas.**

0. *juggling* → A cheerful clown starts juggling colorful balls.
1. *preserve* → \_\_\_\_\_
2. *digit* → \_\_\_\_\_
3. *discovery* → \_\_\_\_\_
4. *throne* → \_\_\_\_\_
5. *civilisation* → \_\_\_\_\_

## Part 5

### Questions 25–30

For each question, write the correct answer.  
Write **one** word for each gap.

Example: 

0	you
---	-----

---

#### EMAIL

From: Jonathan

To: Peter

Dear Peter,

I hope **(0)** ..... are well. I am writing to tell you some news. Amanda and I are getting married in **(25)** ..... summer and we **(26)** ..... love you to come. We have lots of plans! The wedding **(27)** ..... be in June. We are **(28)** ..... to have a big party afterwards at my parents' house. We have invited hundreds **(29)** ..... guests. I know you live far away, but the house has a spare room and you can stay here for a few days.

Please **(30)** ..... me know if you can come.

Jonathan

## Part 1



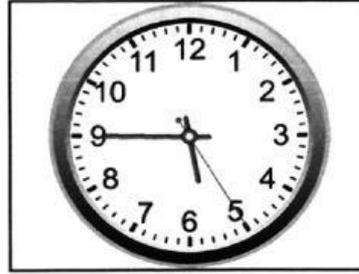
### Questions 1-5

For each question, choose the correct answer.

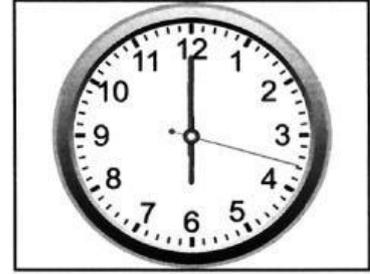
1 What time will the man pick up the woman?



A

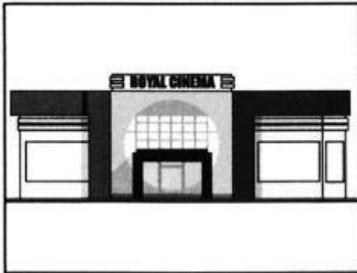


B



C

2 Where will they meet?



A

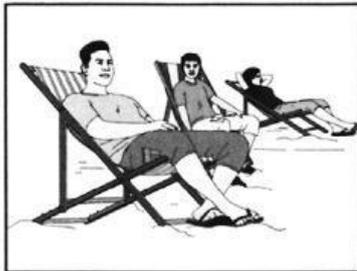


B

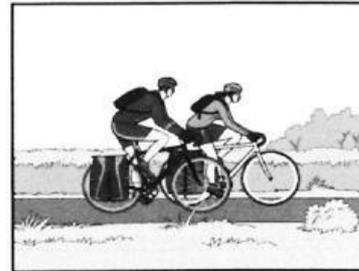


C

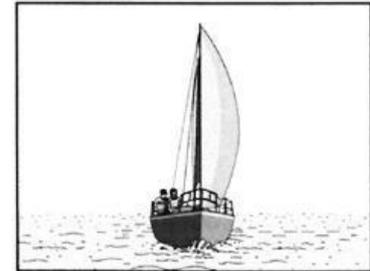
3 What sort of holiday will they go on?



A

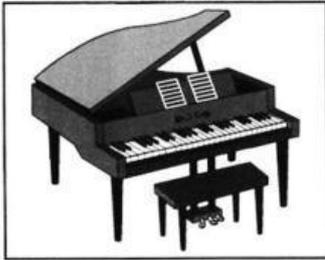


B

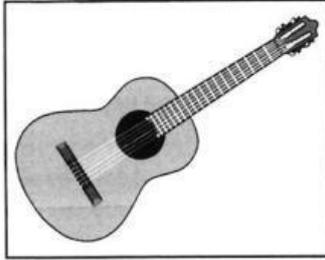


C

4 What musical instrument will she learn to play?



A

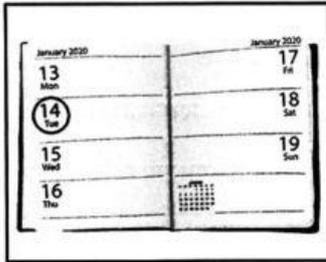


B

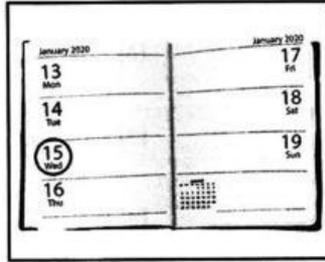


C

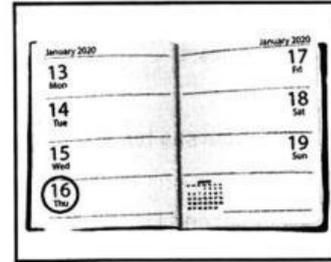
5 What date is the man's appointment with the dentist?



A



B



C

**I. Underline the suitable words.**

0. A cheerful clown starts (juggling / yawning / repairing) colorful balls.
1. (Egyptian / Africa / Roman numerals) is known for its diverse cultures and breathtaking landscapes.
2. The (development / tunic / tomb) of the new shopping mall took several years.
3. The (tunic / invention / merchant) of the automobile changed the world.
4. (Hieroglyphic / Amphitheatre / Chariot) means a picture or symbol that stands for a word or sound.
5. She wore a simple pair of (villas / creators / sandals) of light brown on her feet.

**II. Order the words/ phrases to make sentences.**

0. I believe / the Sphinx / that / guarded / of the king. / the tomb

→ I believe that the Sphinx guarded the tomb of the king.

1. I / Mexican hot dogs / think that / are / better / and tastier than / American ones.

→ \_\_\_\_\_.

2. I / that / American hot dogs / know / don't have / vegetables or bacon.

→ \_\_\_\_\_.

3. I / every / is born / person / with talent. / believe

→ \_\_\_\_\_.

4. human body / I know / is / 206 bones. / made up of

→ \_\_\_\_\_.

5. she / I / know / draw / can / very well.

→ \_\_\_\_\_.